

## CHẤT TRÀO PHÚNG TRONG THƠ NGUYỄN KHUYẾN VÀ TÚ XƯƠNG

NGÔ THỊ KIỀU OANH\*

### TÓM TẮT

*Văn chương trào phúng nửa cuối thế kỉ XIX thật sự nổi bật với hai tác giả Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Nguyễn Khuyến châm biếm nhẹ nhàng, có ý khuyên răn để tạo nên sự thay đổi còn Tú Xương thì phê phán một cách thẳng thừng, mạnh mẽ nhằm đánh thẳng vào bản chất của những con người xấu xa. Với mảng sáng tác này, hai nhà thơ đã góp phần tạo tiền đề cho sự hình thành dòng văn học phê phán của văn học hiện đại.*

**Từ khóa:** văn chương trào phúng, thơ trào phúng.

### ABSTRACT

#### *Satirical poetry of Nguyen Khuyen and Tu Xuong*

*Satirical literature in the second half of 19<sup>th</sup> century was the highlighted by the two authors Nguyen Khuyen and Tu Xuong. Nguyen Khuyen's use of satire is gentle so as to admonish people to encourage changes while Tu Xuong criticized directly and strongly the nature of bad people. With their works, the two poets contributed to the foundation of the critical literature genre of contemporary literature.*

**Keywords:** satirical literature, satirical poetry.

1. Văn thơ trào phúng không phải đến thời Nguyễn Khuyến và Tú Xương mới có, mà nó đã xuất hiện từ các giai đoạn văn học trước với sự lưu dấu của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Nửa cuối thế kỉ XIX là giai đoạn bản lề giữa nền văn chương trung đại và hiện đại. Hai nhà nho có nhiều đóng góp cho công cuộc chuyển tiếp này không ai khác là Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Cuộc đời lắm gian nan cùng với hoàn cảnh rối ren của xã hội đã trở thành nguồn cảm hứng cho những vần thơ trào lộng ra đời. Đề tài châm biếm của các nhà thơ không chỉ là những thói hư tật xấu trong cuộc sống đời thường mà còn là những cái nhố nhăng,

lố bịch của đời sống chính trị trong buổi giao thời. Mỗi nhà thơ có nét đặc sắc riêng nhưng họ gặp nhau ở chỗ đã đưa chính mình vào thơ để cười cợt, chế giễu. Mảng sáng tác này giúp người đọc cảm nhận sâu sắc về tâm hồn, nhân cách của những nhà nho yêu nước nhưng bất lực trước thời cuộc. Tinh thần phản tỉnh và ý thức tự phê phán là đóng góp mới của cả Nguyễn Khuyến và Tú Xương ở mảng văn chương trào phúng. Đồng thời trở thành tiền đề cho dòng văn học hiện thực phê phán sau này phát triển mạnh mẽ và ghi dấu ấn sâu đậm trong nền văn học Việt Nam.

2. Nguyễn Khuyến là nhà nho tiêu biểu cho đạo học của xã hội phong kiến. Ông đỗ đạt cao trong các kì thi và sự

\* ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một

nghiệp thơ văn của ông cũng đóng góp rất nhiều cho nền văn học nước nhà. Với những điều kiện thuận lợi như vậy, Tam nguyên Yên Đổ sẽ có một cuộc sống sung túc nếu đồng ý làm quan bù nhìn phục tùng chế độ thực dân nửa phong kiến. Nhưng ông không màng đến những danh lợi đó. Tự bản thân ông ý thức được rằng phải lấy tài năng, sự hiểu biết của mình để phục vụ nhân dân chứ không phục vụ chế độ. Những đạo lí thánh hiền mà Nguyễn Khuyến từng tiếp nhận không còn dung hòa được với sự bạc nhược, rệu rã của triều đình nhà Nguyễn. Ông đã cười cợt, khinh bỉ cái địa vị mà mình từng ngồi:

*Nghĩ mình cũng góp cho mình nhĩ  
Thế cũng bia xanh cũng bả vàng.*  
(Tự trào)

Đối tượng châm biếm, đả kích trong thơ tự trào của Nguyễn Khuyến hết sức phong phú, đa dạng. Trước hết, ông tự cười cợt bản thân mình thông qua hình ảnh một ông già vô tích sự:

*Mở miệng nói ra gàn bát sách  
Mềm môi chén mãi tíu cung thang.*  
(Tự trào)

Có khi nhà thơ tự trào một cách kín đáo bằng cách mượn hình ảnh của những nhân vật khác như *Tiến sĩ giấy*, *Ông phỗng đá*... nhưng chung quy vẫn là nói về mình:

*Ông đứng làm chi đó hồi ông  
Tro tro như đá vừng như đồng.*

*Ông phỗng đá* là một vật vô tri vô giác giữa đất trời nhưng dường như cũng được thổi hồn bằng lời hỏi đầy ý nhị của

nhà thơ. Đêm ngày phỗng đá gìn giữ điều gì nếu không phải là gìn giữ, níu kéo đạo lí cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn? Nguyễn Khuyến thấy mình như một con người thừa thãi trong guồng máy thống trị phong kiến.

*Vịnh tiến sĩ giấy* là tiếng cười chua chát đầy xót xa trước sự bất lực của những người mang tiếng đỗ đạt, vinh quy nhưng không đóng góp được gì cho đất nước. Lời thơ như một sự tự trách chính mình:

*Cũng cò cũng biển cũng cân đai  
Cũng gọi ông nghề có kém ai.*

Bên cạnh sự tự trào mang tính phủ định thì Nguyễn Khuyến còn khai thác một dạng thức tự trào nhằm khẳng định, ca ngợi cái tài năng của chính mình. Bài thơ *Cá chép vượt đặng* là một điển hình về ước vọng công danh:

*Gặp hội hóa rồng cao chót vót  
Đã lên, lên bổng tíu bao chùm.*

Sự vất vả trong cuộc sống nghèo khó cũng giúp Nguyễn Khuyến tạo được nét riêng biệt với sự khẳng định cái tôi dí dỏm:

*Quyết chí phen này trang trải sạch  
Cho đời rõ mặt cái thằng tao.*  
(Than nợ)

Có thể thấy, dòng thơ tự trào của Nguyễn Khuyến chứa đựng những tư tưởng tự khẳng định, tự ý thức về mình. Hình ảnh ông già gàn dở, say mềm là cách trào lộng ẩn mình. Phía sau ấy là một con người đầy tài năng và uyên bác. Đặc điểm này cho thấy Tam nguyên Yên

Đồ vẫn còn ảnh hưởng từ những tư tưởng của các nhà thơ cổ.

Tiếp bước Tam nguyên Yên Đỗ là nhà thơ “*Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy*” (Buồn thi hỏng). Chuyện học hành thi cử của Tú Xương không được may mắn như Nguyễn Khuyến. Ông từng khái quát thành lời thơ cay đắng “*Đau quá đờn hần; Rát hơn lửa bỏng*”. Và dòng thơ tự trào của ông xuất hiện như một sự an ủi chính bản thân mình, vỗ về lòng mình. Biểu hiện của thơ tự trào Tú Xương cũng là sự châm biếm, cười cợt chính mình:

*Bác này mới thật thái vô tích  
Sáng vác ô đi tối tới vác về.*

(Vô tích)

Mô hình con người thừa thãi, vô tích sự là mô hình mà cả hai nhà nho Nguyễn Khuyến và Tú Xương đều ưa chuộng để gửi gắm tâm tư vào vần thơ thể sự. Trong sự biến đổi của xã hội đương thời thì con người nhà nho như Tú Xương không thể thích nghi và ông không chọn được cho mình một công việc thích hợp, đành phải “*Sáng vác ô đi tối tới vác về*” và làm một vị quan tại gia ăn lương vợ:

*Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ  
Dem chuyện trăm năm giờ lại bàn.*

(Quan tại gia)

Tú Xương lại còn không ngần ngại phơi bày các tật xấu của mình. Hình thức tự bôi xấu mình là một kiểu cười làm tan vỡ hình tượng, cốt cách nhà nho vốn rất đạo mạo, uy nghi:

*Vị Xuyên có Tú Xương*

*Dở dở lại vương vương  
Cao lâu thường ăn quýt  
Thỏ đi lại chơi lờng.*

(Tự vịnh)

Ông sẵn sàng phơi bày mọi thói xấu mà không che giấu bất cứ điều gì về hình ảnh của mình:

*Bài bạc kiêu cò cao nhất xứ  
Rượu chè trai gái đủ tam khoan.*

(Tự cười mình)

Tú Xương thi mãi mà không đậu, chỉ đứng lại ở danh hiệu tú tài. Có phải vì ông không chăm lo đèn sách mà chỉ mãi vui với những thói hư tật xấu? Không cần biết mọi người nghĩ thế nào về sự học của mình, ông cứ tự nhận mình là người đốt nát:

*Có một thầy đồ  
Đốt chẳng đốt nào.*

(Hông khoa Canh Tí)

Những tật xấu ấy không phải chỉ riêng Tú Xương mới có. Nó xuất hiện và tồn tại đầy rẫy ở những con người trong xã hội. Nhưng đến Tú Xương thì ông cường điệu nó lên, hét toáng lên để chống trả lại cái xã hội đương thời. Con người sống trong xã hội ấy có đủ mọi thói xấu: mua quan bán tước, tham lam, đốt nát... nhưng ai cũng làm ra vẻ đạo đức, danh giá. Thực chất phía sau là cả một mặt trái như nhóp, xấu xa. Tú Xương trào lộng trong thơ là để tự giải thoát mình khỏi những bức bối từ một xã hội đang tuột dốc.

Nguyễn Khuyến và Tú Xương cùng viết thơ tự trào nhưng giọng điệu của hai tác giả khác nhau. Nguyễn Khuyến thì

nhẹ nhàng, hóm hỉnh còn Tú Xương thì hẳn học, bóp chất. Không phải ngẫu nhiên mà có sự khác nhau ấy, tất cả đều xuất phát từ chính hoàn cảnh sống và cuộc đời của hai nhà thơ. Một Nguyễn Khuyến học hành, thi cử đầy thuận lợi. Một Tú Xương “*Thi không ăn ớt thế mà cay*”. Mà phải ông Tú bất tài thì cũng không buồn mấy. Đẳng này, chỉ vì quá cá tính mà ông cứ phải lao đao, gian nan với con đường khoa cử. Nỗi buồn thi hỏng là nỗi buồn ám ảnh Tú Xương đến suốt cuộc đời. Song song đó, hoàn cảnh sống cũng ảnh hưởng rất nhiều đến giọng điệu thơ của hai tác giả. Nguyễn Khuyến từ nhỏ sống cuộc sống nông thôn. Sau khi làm quan khoảng mười năm, ông lại lui về ở ẩn tại vườn Bù. Sự yên ả, nhẹ nhàng của cuộc sống ấy đã phần nào khiến cho dòng suy nghĩ của tác giả trầm lắng hơn. Còn Tú Xương vốn sinh ra và lớn lên ở mảnh đất đô thị. Những đổi thay, xoay vần của lối sống tư sản thành thị đã cuốn ông vào những cái gấp gáp, bực dọc và làm nên một hồn thơ đầy khảng khái.

Bên cạnh sự tự trào, các tác giả còn tập trung vào việc chế giễu những thói hư tật xấu trong xã hội. Ở xã hội ấy có đủ mọi hạng người và đủ mọi suy đồi về luân thường đạo lí. Nguyễn Khuyến được gọi là Tam nguyên Yên Đỗ vì ông đỗ đầu ở cả ba kì thi. Đó là nhờ vào tài năng xuất sắc của chính ông chứ không phải do sự can thiệp của đồng tiền như nhiều người trong xã hội đã và đang làm. Một tiến sĩ giấy bù nhìn, rỗng tuếch là hình ảnh phê

phán cái hiện thực thi cử bát nháo trong thơ ông:

*Ghé chéo lọng xanh ngồi bánh chọe  
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.*

Ông là người dám công khai phê phán, giễu cợt cái xã hội vốn đang trên đà tuột dốc. Cái xã hội đang mất dần sự tôn nghiêm của buổi đầu thực dân hóa:

*Vua chèo còn chẳng ra gì  
Quan chèo vai nhỏ khác chi thằng hề.*

(Lời vợ người hát chèo)

Quan chèo ở đây là ai nếu không phải là chính bản thân mình? Nguyễn Khuyến không từ quan về quê thì ông có khác gì một tên hề trong vở chèo của xã hội phong kiến. Hình tượng ấy càng khắc họa sâu sắc nỗi đau thời cuộc của chính nhà thơ. Luôn day dứt vì chưa hoàn thành tâm nguyện “lo trước, vui sau”, Nguyễn Khuyến dùng một phần sự nghiệp thơ văn của mình để châm biếm những viên quan, những ông nghề, ông đồ dốt nát, không hề có tư tưởng phụng sự nhân dân mà chỉ đua đòi danh phận cho hợp với thời thế. Nguyễn Khuyến đã chế giễu Ông đồ Cự Lộc:

*Văn hay chữ tốt ra tuồng*

*Văn dai như chấu chữ vương như  
hòm*

*Vẽ thầy như vẽ con tôm*

*Vẽ tay ngoái cám, vẽ mồm húp  
tuồng.*

Thầy đồ ngày xưa vốn là những nhà mô phạm rất trọng đạo đức. Thầy đồ trong bức tranh giao thời không làm tròn phận sự của mình mà chỉ ham mê sắc dục. Đối tượng này cũng là một phần

trong bức tranh trái chiều của xã hội:

*Ở góa thế gian này mấy mụ  
Đi ve thiên hạ thiếu chi thầy  
Yêu con cũng muốn cho thầy dạy  
Dạy cháu nên rồi mẹ cháu ngây.*

(Thầy đồ ve gái góa)

Đốt nát và tham lam dường như là bản chất chung của bọn quan lại trong bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến. Chúng đã bắt tài mà chỉ quan tâm đến việc vợ vét tiền của vào túi riêng:

*Ai bảo rằng ông đại với ông điên  
Ông đại sao ông biết lấy tiền.*

(Tặng một viên quan tham nhũng)

Nguyễn Khuyến tạo nên tiếng cười châm biếm đến thâm thúy trong *Mừng ông nghề mới đổ*:

*Anh mừng cho chú đổ ông nghề  
Chẳng đổ thì trời cũng chẳng nghe.*

Bằng lời khuyên răn nhẹ nhàng nhưng đầy giễu cợt, nhà thơ đã cho mọi người thấy rõ bộ mặt đáng khinh của những tên quan chuyên bòn rút của dân và có lối sống hết sức “ki cốp”:

*Thôi cũng đừng nên ki cốp nữa  
Kẻo mang tiếng đại với phường  
ngông.*

(Hỏi thăm quan tuấn mắt cớ)

Những kẻ không giúp được gì cho đất nước trong buổi loạn li thì nên an phận. Đẳng này, chúng bán rẻ danh dự để làm tay sai cho thực dân Pháp. Chúng ngang nhiên nhận bổng lộc của giặc để được sung sướng bản thân:

*Bổng lộc như ông không mấy nhi  
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây.*

Tú Xương cũng viết về đối tượng

khoa bảng, quan lại hèn kém này nhưng với giọng thâm độc, cay cú hơn. *Giễu người thi đỗ* là một lời chửi nghe rất căm giận. Cái đau nhất có lẽ là hình ảnh đối rất chuẩn giữa bà đầm và ông cử. Bà đầm xuất hiện đã làm cho những giá trị thuần phong mỹ tục của dân tộc ta hoàn toàn sụp đổ:

*Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt  
Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng.*

*Ông tiến sĩ mới* là hình ảnh tiêu biểu cho kiểu người không có tài cán gì mà cũng đỗ đạt:

*Nghe văn mà gớm cho ông mãi  
Cờ biển vua ban cũng lạ đời.*

Những người có tiền trong xã hội giao thời luôn muốn tìm cho mình một địa vị để được mọi người nể trọng. Khi một gã buôn sắt cũng có thể tung tiền ra để mua danh phận một ông đồ thì đạo học và chuyện thi cử chỉ là trò đùa không hơn không kém:

*Không học mà sao cũng gọi đồ*

...

*Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt  
Mũi nó gồ gồ, trán nó gồ.*

(Giễu ông đồ Bốn ở phố hàng Sắt)

Khi đất nước chịu sự xâm lược của bọn ngoại xâm, chỉ một bộ phận người dân ý thức được nỗi đau mất nước, nỗi nhục nô lệ. Một bộ phận khác thì bàng quan trước thời cuộc. Họ hăng hái tham gia Hội Tây:

*Cậy sức cây đu nhiều chị nhún  
Tham tiền cột mỡ lắm anh leo  
Khen ai khéo vẽ trò vui thế  
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu.*

Con người trong buổi loạn lạc đã tiếm nhiệm lối sống chỉ biết hưởng thụ. Họ muốn không cần làm việc nhưng cũng có cái để ăn. Chính suy nghĩ này đã sinh ra bao thứ tệ nạn mà đáng chú ý là nạn trộm cướp. Nguyễn Khuyến lên án bọn gian tham này và chỉ ra vòng tròn báo ứng dành cho chúng:

*Mày đi khoét lách của người đây*

*Lại có người theo khoét của mày.*

(Hót của trời)

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, chúng khuyến khích lối sống ăn chơi, trụy lạc... làm cho nhân dân ta mù mờ về thông tin, không quan tâm đến hiện tình đất nước để dễ cai trị. Quê hương Nam Định của Tú Xương là một điển hình cho sự xuất hiện của lớp người hãnh tiến đô thị. Ở đó, không chỉ xã hội thay đổi mà con người cũng bị đảo lộn cả những giá trị đạo đức:

*Nhà kia lối phép con khinh bố*

*Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.*

(Đất Vị Hoàng)

Nhà thơ đất Vị Xuyên đã mạnh dạn phê phán thói trăng hoa của bọn người sống không ngay thẳng. “Cái đờ” là hình ảnh cụ thể hóa hết sức nhục nhã cho các nhà khoa bảng đương thời:

*Cử Thăng, huân Mỹ, tú Tây hồ*

*Ba đứa chung nhau một cái đờ.*

(Đề ảnh)

Thói tham lam cũng là đề tài hần hĩ sự châm biếm trong thơ của ông tú:

*Keo cú người đâu như cắt sắt*

*Tham lam chuyện thợ rất hơi đồng.*

Không dừng lại ở đó, những *Gái*

*buôn* đầy thủ đoạn luôn dùng sự lừa dối của mình để làm tiền khách hàng cũng là đối tượng chế giễu của Tú Xương:

*Thằng ngô mắt gánh say câu chuyện*

*Chú lái nghiêng thoi mắc giọng tình.*

Nhà sư là tầng lớp được mọi người kính trọng nhưng trong thơ của Tú Xương lại trở nên phàm tục như bao người. Sư cũng phải vào tù vì chứa đồ gian:

*Quảng đại từ bi cũng phải tù*

*Hay là sư cụ vụng đường tu.*

(Sư ở tù)

Cũng đam mê sắc dục, làm điều xằng bậy:

*Tháp thoáng bên đèn, lên bóng cẩu*

*Thuốt tha dưới án nguyệt sư ông.*

*Chị em thờ thệ đêm thanh vắng*

*Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng.*

(Ông sư và mấy ả lên đồng)

3. Khép lại mảng thơ trào phúng, có thể thấy tiếng cười trong thơ Nguyễn Khuyến có sự dí dỏm, thâm trầm và nhiều cung bậc. Ông cũng phê phán thói đời nhưng thường bằng sự khuyên răn để hướng đến sự thay đổi. Còn Tú Xương, một khi đã châm biếm thì phải thật sâu cay, thật độc địa nhằm đánh thẳng vào bản chất của bọn người xấu xa trong xã hội. Nguyễn Khuyến và Tú Xương đã đóng góp những tiền đề cho sự hình thành dòng văn học hiện thực trào phúng của văn học hiện đại. Dù là tự trào bản thân hay phê phán, chế giễu những con

người và những thói hư tật xấu trong xã hội, chung quy lại, vẫn là một tấm lòng yêu nước, một sự quan tâm và đau xót trước sự suy đồi của đạo đức truyền thống qua hàng loạt hiện tượng chương tai gai mắt. Từ đó, có thể nhận thức rằng yêu nước không nhất thiết là phải cầm gươm ra trận, mà văn chương cũng là một thứ vũ khí lợi hại chống ngoại xâm trên mặt trận tư tưởng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bảo (2002), *Nguyễn Khuyến - nhà văn và tác phẩm trong nhà trường*, Nxb Giáo dục.
2. Ngô Viết Dinh (tuyển chọn và biên tập) (1999), *Đến với thơ Tú Xương*, Nxb Thanh niên.
3. Biện Minh Điền (2001), *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Khuyến*, Nxb Giáo dục.
4. Nhiều tác giả (2005), *Nguyễn Khuyến - tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn hóa.
5. Vũ Thanh (2005), *Nguyễn Khuyến về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
6. Đoàn Thị Thu Vân (2008), *Văn học trung đại Việt Nam - thế kỉ X đến nửa cuối thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục.
7. Lê Thu Yên (2000), *Văn học Việt Nam - Văn học trung đại - Những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 29-4-2013;  
ngày chấp nhận đăng: 20-5-2013)